

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về Quy định mức chi thưởng đối với các hoạt động**  
**thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi:

- Thường trực Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu khóa II, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi thưởng đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

**1. Sự cần thiết**

Trong thời gian qua, việc thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã phát huy hiệu quả trong việc động viên, khích lệ đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên, góp phần thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh phát triển. Tuy nhiên, ngày 22/4/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND quy định tiêu chuẩn, nội dung, mức chi đối với tổ chức và hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh, đồng thời bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND kể từ ngày 15/5/2026. Việc bãi bỏ này dẫn đến khoảng trống pháp lý đối với nội dung chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên, trong khi đây là chính sách có tính chất thường xuyên, gắn trực tiếp với hoạt động thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc ban hành văn bản thay thế là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm tính liên tục, không gián đoạn trong thực hiện chính sách.

Bên cạnh đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) đòi hỏi phải hoàn thiện quy định về đối tượng áp dụng, đặc biệt là bổ sung cấp xã để phù hợp với tổ chức bộ máy mới. Đồng thời, tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 về quy định chế độ chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu có quy định như sau: “Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền lương ...; quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại

*các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật*". Vì vậy, việc ban hành Quyết định không chỉ là nhu cầu thực tiễn mà còn là trách nhiệm của địa phương trong việc cụ thể hóa quy định của pháp luật.

Mặt khác, qua thực tiễn triển khai cho thấy các quy định trước đây về chi thường còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển như: mức thường chưa bảo đảm sự tương quan hợp lý giữa cá nhân và tập thể, giữa các môn thể thao; chưa phân hóa theo độ tuổi, tuyến đào tạo; chưa có cơ chế chi thường phù hợp đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt thành tích tại các giải khu vực, toàn quốc và quốc gia; chưa tạo được động lực đủ mạnh để khuyến khích nâng cao chất lượng tập luyện và thi đấu. Những hạn chế này nếu không được kịp thời điều chỉnh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh.

Trong bối cảnh phong trào thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, yêu cầu nâng cao thành tích và tính cạnh tranh ngày càng cao, việc ban hành chính sách chi thường phù hợp, có tính khuyến khích là giải pháp quan trọng nhằm thu hút, giữ chân và phát huy năng lực của đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên. Quá trình xây dựng dự thảo đã được nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các địa phương có điều kiện tương đồng, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện ngân sách và thực tiễn của tỉnh.

Từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Quyết định quy định mức chi thường đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Việc ban hành Quy định mức chi thường đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết, đúng thẩm quyền; phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

## **2. Mục đích, quan điểm chỉ đạo**

### **2.1. Mục đích**

Việc ban hành Quyết định quy định mức chi thường đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm cụ thể hóa kịp thời các quy định của pháp luật, thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện chi thường đối với huấn luyện viên, vận động viên, bảo đảm chính sách được triển khai liên tục, không gián đoạn; đồng thời quy định mức thường hợp lý, có phân hóa theo đối tượng, thành tích và cấp độ thi đấu, qua đó tạo động lực nâng cao chất lượng huấn luyện, thi đấu, góp phần phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh, cũng như hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

## 2.2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. Tuân thủ theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn biện pháp thi hành; bám sát các quy định của Trung ương về chế độ, chính sách trong lĩnh vực thể dục thể thao; đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện, góp phần phát triển thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

## 3. Nội dung cơ bản của Quy định mức chi thưởng đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu

### 3.1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định quy định mức chi thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia, toàn quốc và khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Hội thi, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng và các giải thể thao cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### 3.2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu cho đoàn thể thao tỉnh Lai Châu theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp toàn quốc, quốc gia, khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Ngày hội, Hội thi, Hội khỏe Phù Đổng.

b) Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3.3. Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp toàn quốc, quốc gia, khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Ngày hội, Hội thi, Hội khỏe Phù Đổng

3.3.1. Vận động viên được cấp có thẩm quyền cử tham gia và đạt thành tích tại được thưởng theo mức như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng	Phá kỷ lục

		(Giải nhất)	(Giải nhì)	(Giải ba)	
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	12	7,2	4,8	+4,8
2	Giải vô địch, vô địch các đội mạnh toàn quốc, quốc gia	9,6	5,8	3,8	+3,8
3	Giải vô địch trẻ, vô địch cúp, vô địch Câu lạc bộ, vô địch U20, U23, toàn quốc, quốc gia (vận động viên từ 18 tuổi trở lên)	7,7	4,6	3,0	+3,0
4	Giải vô địch các nhóm tuổi trẻ, vô địch U, vô địch thanh, thiếu niên trẻ xuất sắc, giải vô địch học sinh, sinh viên, giải vận động viên xuất sắc toàn quốc, quốc gia (từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi)	6,1	3,7	2,4	+2,4
5	Giải vô địch các nhóm tuổi trẻ, vô địch U, vô địch thanh, thiếu niên trẻ xuất sắc, vô địch học sinh, sinh viên toàn quốc, quốc gia (từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi)	4,9	3,0	1,9	+1,9
6	Giải vô địch các nhóm tuổi trẻ, vô địch U, vô địch thanh, thiếu niên trẻ xuất sắc, vô địch học sinh, sinh viên toàn quốc, quốc gia (dưới 12 tuổi)	3,9	2,4	1,5	+1,5
7	Giải khu vực, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật và các giải thể thao khác	3,1	1,9	1,2	+1,2

3.3.2. Thành tích đồng đội được xác định trên cơ sở mức thưởng của giải cá nhân tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Môn thi đấu có 02 vận động viên: Mức thưởng bằng 02 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

b) Môn thi đấu có từ 03 đến 06 vận động viên: Mức thưởng bằng 03 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

c) Môn thi đấu có từ 07 vận động viên trở lên: mức thưởng bằng 04 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

3.3.3. Các đội tuyển đạt thành tích giải toàn đoàn, mức thưởng bằng 04 lần mức thưởng giải cá nhân tương ứng.

#### 3.4. Mức thưởng đối với huấn luyện viên

Huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu cấp toàn quốc, quốc gia, khu vực, Đại hội thể dục thể thao, Ngày hội, Hội thi, Hội khỏe Phù Đổng được thưởng theo mức cụ thể như sau:

3.4.1. Đối với các môn thể thao cá nhân: Mức thưởng dựa trên tổng giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên, quy định như sau:

a) Đối với huy chương có giá trị cao nhất: Huấn luyện viên được thưởng 100% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.

b) Đối với từ huy chương thứ 2 đến 4: Huấn luyện viên được thưởng 50% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.

c) Đối với từ huy chương thứ 5 trở đi: Huấn luyện viên được thưởng 30% giá trị tiền thưởng tương ứng của vận động viên.

#### 3.4.2. Đối với thi đấu tập thể

a) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện được thưởng bằng mức thưởng của vận động viên.

b) Số lượng huấn luyện viên được quy định theo mức sau: đối với các đội thuộc những môn có quy định dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 02 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 03 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 04 huấn luyện viên; đối với các đội thuộc những môn có quy định trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 05 huấn luyện viên.

#### ***Cơ sở đề xuất:***

- Đối với mức thưởng huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích:

+ Đề xuất điều chỉnh tăng mức thưởng theo nguyên tắc có tham chiếu và bảo đảm tương quan hợp lý: mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc được xác định bằng khoảng 60% mức thưởng của nhóm giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao; các cấp giải tiếp theo được thiết kế theo nguyên tắc giảm dần, với mức sau bằng khoảng 80% mức của giải liền kề trước đó, đồng thời không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính cạnh tranh, vừa phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.

+ Việc đề xuất mức chi thưởng đối với vận động viên và huấn luyện viên được xây dựng trên cơ sở bám sát các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, đồng thời bảo đảm đúng thẩm quyền của địa phương trong việc quy định mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao ở phạm vi quốc gia, khu vực và địa phương.

+ Các mức thưởng được kế thừa có chọn lọc từ quy định trước đây, đồng thời được điều chỉnh, bổ sung nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn như chưa bảo đảm tương quan giữa các cấp độ giải, giữa các nhóm tuổi, cũng như giữa thành tích cá nhân và tập thể. Việc phân nhóm theo độ tuổi, cấp độ thi đấu và tính chất giải đấu giúp phản ánh sát mức độ cạnh tranh, giá trị thành tích và yêu cầu chuyên môn, qua đó nâng cao tính công bằng và hợp lý của chính sách.

- Đối với thành tích đồng đội và giải toàn đoàn: Đề xuất quy định mức thưởng theo hệ số so với giải cá nhân tương ứng nhằm bảo đảm sự cân đối giữa đóng góp của từng cá nhân và thành tích chung của tập thể, đồng thời ghi nhận đúng mức vai trò phối hợp trong các môn thi đấu tập thể.

- Đối với huấn luyện viên: Đề xuất mức thưởng gắn trực tiếp với thành tích của vận động viên, bảo đảm phản ánh đầy đủ vai trò, công sức và trách nhiệm trong quá trình huấn luyện. Cơ chế tính thưởng theo hướng lũy tiến đối với môn cá nhân và quy định số lượng huấn luyện viên đối với môn tập thể được xây dựng chặt chẽ, phù hợp với đặc thù từng môn, bảo đảm tính hợp lý, tránh dàn trải và nâng cao hiệu quả khuyến khích.

### 3.5. Mức chi tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp xã, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng

		(Giải nhất)	(Giải nhì)	(Giải ba)
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>			
1	Giải cá nhân			
a	Cá nhân (Đại hội TDTT; giải leo núi; giải Marathon cự ly 21km trở lên)	2,4	1,5	1,0
b	Cá nhân các giải khác	1,9	1,2	0,8
2	Giải đôi: Mức thưởng bằng 02 lần giải thưởng cá nhân các giải thể thao tương ứng			
3	Giải đồng đội			
a	Môn có 03 đến 06 vận động viên	5,7	3,6	2,4
b	Môn có từ 07 vận động viên trở lên	7,6	4,8	3,2
4	Giải khuyến khích bằng 20% của giải ba tương ứng			
5	Giải vận động viên xuất sắc, trọng tài xuất sắc bằng 20% của giải ba tương ứng			
6	Giải phong cách bằng 50% của giải ba tương ứng			
7	Giải toàn đoàn	5,0	3,0	2,0
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b> (Mức chi tối đa bằng 60% mức chi cấp tỉnh)			

***Cơ sở đề xuất:***

- Mức chi tiền thưởng các giải thể thao được đề xuất trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về ngân sách và chế độ chi trong lĩnh vực thể dục, thể thao, đồng thời phù hợp thẩm quyền ban hành của địa phương đối với cấp tỉnh và cấp xã; được kế thừa, điều chỉnh từ thực tiễn triển khai, có xét đến biến động giá cả, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm nhưng vẫn tạo động lực phát triển phong trào; việc quy định mức thưởng theo loại hình thi đấu, quy mô, tính chất giải và đặc thù từng môn nhằm phản ánh đúng thành tích và mức độ đóng góp của vận động viên.

+ Đối với cấp tỉnh: Đề xuất mức chi đối với Đại hội TDTT bằng 20% mức áp dụng cho nhóm II Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy

định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; các giải cá nhân khác mức chi bằng 80% mức của Đại hội TDTT cấp tỉnh.

+ Đối với cấp xã: Đề xuất mức chi tối đa bằng 60% mức chi cấp tỉnh, phù hợp quy mô và khả năng ngân sách, đồng thời bảo đảm tính thống nhất chính sách.

+ Đối với nội dung tập thể, toàn đoàn: Đề xuất tính theo hệ số so với giải cá nhân để bảo đảm cân đối và ghi nhận vai trò phối hợp (đồng đội có từ 3-6 người bằng 03 lần giải cá nhân; đồng đội có từ 7 người trở lên bằng 04 lần giải cá nhân tương ứng). Các giải khuyến khích, xuất sắc, phong cách... được tính theo tỷ lệ % của giải ba, bảo đảm thống nhất, minh bạch.

### 3.6. Quy định về áp dụng mức chi thưởng

3.6.1. Mức chi thưởng quy định tại Quyết định này là mức tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước. Căn cứ dự toán ngân sách được giao, quy mô, tính chất từng giải thi đấu và điều lệ, quy chế chuyên môn của từng môn thể thao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tổ chức giải quyết định mức chi cụ thể, bảo đảm không vượt quá mức quy định tại Quyết định này.

3.6.2. Nhà nước khuyến khích các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan huy động, khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm mức chi thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

## 4. Dự kiến nguồn lực thực hiện, điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện Quyết định

4.1. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Dự kiến kinh phí thực hiện Quyết định giai đoạn 2026 - 2030: 9.779 triệu đồng, tăng 5.365 triệu đồng so với giai đoạn 2021 - 2025, trung bình tăng 1.073 triệu đồng/năm.

### *Tài liệu kèm theo:*

1. Dự thảo Quyết định quy định mức chi thưởng đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Dự thảo Tờ trình Đảng ủy UBND tỉnh trình Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Quyết định quy định mức chi thưởng đối với các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chế độ chi thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
5. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.
6. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.
7. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, VH, TT&DL;
- V3;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Thanh Hải**